

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ GẮN VỚI LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM

TẶNG THỊ THU TRANG*
NGUYỄN THÚY NGÂN**

Kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu tất yếu của mỗi nhà nước, không quốc gia nào có thể phát triển nhanh, ổn định và bền vững nếu như quyền lực nhà nước không được kiểm soát và thực hiện đúng đắn, hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế, tình trạng lạm quyền, tha hóa quyền lực vẫn luôn tiềm ẩn và thường xuyên xảy ra. Bài viết phân tích nội dung, phương thức thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước của các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp thông qua các bản Hiến pháp Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá những hạn chế trong kiểm soát quyền lực nhà nước, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát quyền lực nhà nước trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ khóa: Kiểm soát; quyền lực nhà nước; thể chế chính trị; Hiến pháp; lịch sử; lập hiến.

Controlling state power is an essential requirement for every nation. No country can develop rapidly, steadily, and sustainably without the proper control and effective exercise of state power. However, issues of abuse and corruption of power remain hidden and frequently occurs. This article analyzes the content and methods of state power controlled by legislative, executive, and judicial bodies through various constitutions of Vietnam. Based on an evaluation of the limitations in state power control, the article proposes several solutions to improve the control system in the context of building a socialist rule-of-law state in Vietnam.

Keywords: Control; state power; political institution; Constitution; history; constitutional development.

NGÀY NHẬN: 12/7/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 17/8/2024

NGÀY DUYỆT: 18/9/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.344.2024.945>

1. Đặt vấn đề

Trong mỗi nhà nước, vấn đề quyền lực nhà nước là rất quan trọng, nó quyết định vận mệnh, sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà nước. Việc nắm giữ, tổ chức thực hiện và sử dụng quyền lực nhà nước khoa học, có hiệu quả sẽ là điều kiện để thực hiện được những mục đích đã đề ra, mang lại hạnh phúc và nhiều lợi ích nhất cho Nhân

dân, đất nước. Tuy nhiên, quyền lực nhà nước do ai thực hiện, thực hiện như thế nào? Có cần kiểm tra, giám sát hay không? Kiểm tra, giám sát như thế nào? cần phải được ghi nhận một cách rõ ràng dưới dạng các quy phạm pháp luật và thể hiện ở một hình thức

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** ThS, Trường Đại học Hạ Long

nhất định. Dưới góc độ luật *Hiến pháp*, điều này đã được ghi nhận qua nhiều bản *Hiến pháp* khác nhau, từ *Hiến pháp* năm 1946 cho đến *Hiến pháp* hiện hành với những thể chế chính trị đặc thù trong bối cảnh đất nước ở từng thời kỳ lịch sử nhất định.

2. Quan niệm về quyền lực, kiểm soát quyền lực nhà nước, thể chế chính trị và *Hiến pháp* Việt Nam

Quyền lực nhà nước luôn gắn với chủ quyền quốc gia, nó thuộc về Nhân dân và được thể hiện thông qua những định chế nhà nước - pháp luật. Quyền lực nhà nước được biểu hiện cụ thể ở hệ thống các cơ quan, tổ chức nhà nước, các quy định pháp luật và những nguyên tắc vận hành của hệ thống đó tạo nên một cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước. Cơ chế đó được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của văn minh nhân loại và được cụ thể hóa ở mỗi quốc gia tùy thuộc vào những điều kiện vị trí địa lý, lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội ở mỗi thời kỳ phát triển.

Kiểm soát quyền lực nhà nước là toàn bộ hoạt động xem xét, theo dõi, đánh giá để ngăn chặn, loại bỏ những nguy cơ, những hành vi, những việc làm sai trái của các chủ thể (cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước) trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước bảo đảm cho quyền lực nhà nước được sử dụng và thực hiện theo *Hiến pháp* và pháp luật.

Về cơ bản, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát có nghĩa như nhau, đó là xem xét, đánh giá hoạt động của các chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước để *Hiến pháp*, pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, chính xác, đầy đủ nhưng chúng khác nhau về chủ thể thực hiện, về nội dung, hình thức, phạm vi và đối tượng chịu sự xem xét, đánh giá. So với thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát thì kiểm soát có phạm vi xem xét, đánh giá rộng hơn, hình thức phong phú hơn, nó bao hàm cả việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi... Đối tượng chịu sự xem xét, đánh giá của kiểm soát là tất cả các chủ thể thực hiện quyền lực nhà

nước. Nội dung kiểm soát bao gồm việc tổ chức và việc thực hiện đối với cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Chủ thể thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước khá đa dạng, có thể là Nhân dân, các đảng phái của các tổ chức chính trị - xã hội, cũng có thể do chính nhà nước (các cơ quan nhà nước), thậm chí là các tổ chức quốc tế...

Thể chế chính trị luôn gắn liền với giai cấp và Nhà nước cần phải vận hành trong một thể chế chính trị nhất định. Do vậy, thể chế chính trị được quy định trước hết bởi bản chất giai cấp, hình thức nhà nước, bản chất quyền lực nhà nước, tương quan lực lượng của các giai cấp, mức độ và hình thức đấu tranh giai cấp cũng như truyền thống lịch sử của đất nước và hoàn cảnh quốc tế. Trên cơ sở đó, có thể thấy thể chế chính trị là hệ thống các quy định, luật lệ, giá trị, chuẩn mực hợp thành những nguyên tắc tổ chức và phương thức vận hành của một chế độ chính trị.

Hiến pháp là đạo luật gốc do Quốc hội ban hành có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế - xã hội; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

3. Kiểm soát quyền lực nhà nước trong thể chế chính trị Việt Nam qua các bản *Hiến pháp* năm 1946, 1959, 1980, 1992 và *Hiến pháp* năm 2013

(1) *Hiến pháp* năm 1946 là *Hiến pháp* đầu tiên mở đầu lịch sử lập hiến Việt Nam được Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 2 thông qua. *Hiến pháp* năm 1946 ra đời đánh dấu sự thay đổi căn bản các thể chế chính trị ở Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong bản *Hiến pháp* này quy định về kiểm soát quyền lực nhà nước tại Điều 31 “Nhân dân có quyền phúc quyết về *Hiến pháp* và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia”; “Những điều thay đổi khi đã được Nghị viện ưng chuẩn thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết” (điểm c Điều 70). Với quy định này, Nhân dân giữ vai

trò là chủ thể quyết định việc thiết kế, tổ chức và thực thi việc kiểm soát quyền lực nhà nước nhằm tránh sự xâm phạm về quyền trong cách thức xây dựng và tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chính sự phân quyền trong *Hiến pháp* năm 1946 đã làm cho quyền lực nhà nước được kiểm soát từ bên ngoài và từ chính nội bộ hệ thống các cơ quan nhà nước với nhau. Bản chất sự kiểm soát quyền lực nhà nước trong *Hiến pháp* phải tạo nên sự cân bằng và chế ước lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực nhà nước. Mỗi nhánh quyền lực đều có quyền giám sát tối cao trong phạm vi được phân quyền đối với các nhánh quyền lực khác. Và chỉ Nhân dân - chủ thể duy nhất, thống nhất mới có quyền giám sát đối với hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước.

Điều 30 *Hiến pháp* năm 1946 “Nghị viện họp công khai, công chúng được vào nghe. Các báo chí được phép thuật lại các cuộc thảo luận và quyết nghị của Nghị viện”. Quy định này không chỉ bảo đảm sự giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của Quốc hội mà còn góp phần nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, tăng sự chuyên nghiệp trong hoạt động của chính đại biểu Quốc hội.

(2) *Hiến pháp* năm 1959 được Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 11 thông qua trong bối cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam chuyển sang tình thế mới. Nhà nước đứng trước hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. *Hiến pháp* năm 1959 được coi là bản *Hiến pháp* của thời kỳ cách mạng mới, bản *Hiến pháp* xã hội chủ nghĩa (XHCN) đầu tiên ở Việt Nam. Trong *Hiến pháp* năm 1959, tiếp tục khẳng định và làm rõ quan điểm nguồn gốc quyền lực nhà nước bắt nguồn từ quyền lực Nhân dân. Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, có nghĩa Nhân dân là người tổ chức nên nhà nước của mình; do đó, những thiết chế do Nhân dân trực tiếp thiết lập nên là thiết chế

thực hiện quyền lực nhà nước. Điều 4 *Hiến pháp* quy định: tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về Nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do Nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Bên cạnh đó, Điều 50 quy định: Quốc hội có quyền giám sát việc thi hành *Hiến pháp*; Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát công tác của Hội đồng Chính phủ của Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Tuy vậy, quyền giám sát của Hội đồng nhân dân chưa được xác lập trong *Hiến pháp*, song đây vẫn là sự giám sát của cơ quan nhà nước đối với cơ quan nhà nước, sự giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước là một hình thức giám sát của Nhân dân - giám sát gián tiếp. Cơ chế giám sát của Nhân dân với tư cách là người tổ chức nên Nhà nước vẫn chưa được thiết lập trong *Hiến pháp*.

(3) *Hiến pháp* năm 1980 được Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua, đánh dấu một bước quan trọng đối với sự phát triển nền lập hiến Việt Nam. Trong *Hiến pháp* năm 1980, tại khoản 3 Điều 83 quy định: “Quốc hội có nhiệm vụ thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo *Hiến pháp* và pháp luật”. Hội đồng Nhà nước “giám sát công tác của Hội đồng Bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao” (khoản 7 Điều 100); tiếp đến khoản 9 Điều 100 quy định: “Hội đồng Nhà nước giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhằm phát huy chức năng cơ quan đại biểu nhân dân của Hội đồng nhân dân”. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao “kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các bộ và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và các đơn vị vũ trang nhân dân...” (Điều 138).

(4) *Hiến pháp* năm 1992 được Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 11 thông qua là một bước phát triển quan trọng trong việc xây dựng *Hiến pháp*. Sau đó, bản *Hiến pháp* này được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số

51/2001/NQ-QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc hội, theo đó, *Hiến pháp* khẳng định Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, do vậy, Nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước là một tất yếu, một đòi hỏi chính đáng. *Hiến pháp* năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) có quy định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Lần đầu tiên, thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” và nguyên tắc “phân công, phối hợp...” được trang trọng ghi nhận trong *Hiến pháp*. Đây chính là nền tảng để tất yếu đi đến nhận thức phải kiểm soát quyền lực nhà nước nhằm chống lại sự lạm quyền, lộng quyền.

(5) *Hiến pháp* năm 2013, được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua. *Hiến pháp* năm 2013 là kết quả của sự kế thừa và phát triển những giá trị cốt lõi từ các bản *Hiến pháp* trước. Trong đó, đã thể hiện chủ quyền của Nhân dân ở một tầm khái quát mới, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. *Hiến pháp* năm 2013 đã bổ sung quy định quan trọng về “kiểm soát quyền lực nhà nước”, sự bổ sung này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện một bước phát triển mới về nhận thức lý luận xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Khoản 3 Điều 2 quy định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Với quy định mang tính nguyên tắc này, *Hiến pháp* năm 2013 đã có sự kế thừa về bản chất và mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy nhà nước trong *Hiến pháp* năm 1992, đồng thời, một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của việc kiểm soát quyền lực nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Điều 69 *Hiến pháp* năm 2013 quy định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao

nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Với việc quy định này, Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất nên không có cơ quan nào có thẩm quyền kiểm soát quyền lực đối với Quốc hội. Trong Nhà nước pháp quyền XHCN, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Quốc hội là thiết chế do Nhân dân bầu ra, các cơ quan và cá nhân đứng đầu các quyền hành pháp và tư pháp do Quốc hội bầu ra. Vì thế, Quốc hội được coi như là thiết chế trung tâm, có vị trí đặc biệt quan trọng trong bộ máy nhà nước, hoạt động thực hiện quyền lập hiến của Quốc hội trên thực tế chưa được kiểm soát bởi một thiết chế chuyên trách hiến định.

Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, Điều 94 *Hiến pháp* năm 2013 quy định: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước”. Quyền hành pháp là một trong ba nhánh quyền lực tạo nên sự thống nhất của quyền lực nhà nước nhưng trong quá trình thực thi quyền lực, quyền hành pháp của Chính phủ luôn phải chịu sự kiểm soát, giám sát tối cao của Quốc hội. Quốc hội “xét báo cáo công tác của Chính phủ”, “quy định tổ chức và hoạt động của Chính phủ”, “bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trái với *Hiến pháp*, luật, nghị quyết của Quốc hội”. Chính phủ “chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội”. Bên cạnh đó, Quốc hội có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Thủ tướng Chính phủ, có quyền phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các phó thủ tướng, các bộ trưởng...

Điều 102 *Hiến pháp* năm 2013 quy định: “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”. Tức là Tòa án có chức

năng xét xử các vụ án, giải quyết các việc có tranh chấp theo thẩm quyền quy định. *Hiến pháp* năm 2013 quy định cơ chế kiểm soát quyền tư pháp từ phía cơ quan lập pháp, thể hiện qua việc Quốc hội có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, lấy phiếu tín nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh do mình bầu, như: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, việc kiểm soát quyền lực này chủ yếu mang tính một chiều giữa cơ quan quyền lực nhà nước với cơ quan tư pháp mà hầu như chưa có chiều kiểm soát ngược lại.

Hiến pháp năm 2013 quy định Chủ tịch nước có quyền kiểm soát quyền lực đối với Tòa án. Khoản 7 Điều 70 và khoản 3 Điều 88 quy định Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo phê chuẩn của Quốc hội. Thẩm phán các cấp khác do Chủ tịch nước bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng tuyển chọn và giám sát Thẩm phán quốc gia.

Với vai trò là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, Tòa án nhân dân thực hiện chức năng kiểm soát việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp theo nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Theo đó, Tòa án nhân dân thực hiện quyền kiến nghị sửa đổi, bổ sung luật nếu thông qua hoạt động xét xử thấy văn bản luật trái *Hiến pháp*, mâu thuẫn với luật khác hoặc không phù hợp với thực tiễn. Ngoài ra, Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử các vụ án hành chính đối với các hành vi hành chính, quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước; các phán quyết về các vi phạm quyền con người...

Có thể thấy, ở Việt Nam, quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp đều bắt nguồn từ Nhân dân. Cả ba quyền này tuy có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều là những yếu tố tạo nên sự thống nhất của quyền lực nhà nước. *Hiến pháp* năm 2013 ra đời là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo dựng cơ chế phân công, phối

hợp và kiểm soát quyền lực, bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Giải pháp hoàn thiện *Hiến pháp* về kiểm soát quyền lực nhà nước trong thể chế chính trị Việt Nam

Thứ nhất, quay trở về giá trị của *Hiến pháp* năm 1946 để quy định việc kiểm soát quyền lực nhà nước giữa Chính phủ với Quốc hội và Tòa án nhân dân thông qua các quy định về cơ cấu tổ chức của Chính phủ, quyền phủ quyết tương đối của Chủ tịch nước đối với các đạo luật của Quốc hội; thẩm quyền bổ nhiệm của Chính phủ đối với thẩm phán; quyền tác động trực tiếp của Chính phủ đến hoạt động lập pháp của Quốc hội. Chính phủ trong *Hiến pháp* năm 1946 là một Chính phủ thực quyền và chịu trách nhiệm. Đây cũng là bài học lịch sử mà *Hiến pháp* năm 1946 để lại trong việc xây dựng nền hành pháp mạnh của Nhân dân.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu xây dựng mô hình các thiết chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ bảo vệ *Hiến pháp* theo quy định tại khoản 2 Điều 119 *Hiến pháp* năm 2013. Với đặc trưng là mô hình bảo hiến phi tập trung, trách nhiệm, nhiệm vụ bảo vệ *Hiến pháp* được trao cho nhiều chủ thể khác nhau, cơ chế bảo vệ *Hiến pháp* có nhiều đặc điểm riêng, phản ánh đặc trưng của hệ thống chính trị trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cụ thể là: Điều 119 *Hiến pháp* năm 2013 ghi nhận “Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ *Hiến pháp*”. Theo đó, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các chủ thể bảo vệ *Hiến pháp* đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, bảo vệ *Hiến pháp*, bảo đảm để *Hiến pháp*, pháp luật được tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành trên thực tế.

Tuy nhiên, cần tiếp tục nâng cao năng lực, trách nhiệm, hiệu quả bảo vệ *Hiến pháp* của các chủ thể mà *Hiến pháp* trao quyền, bao

gồm: Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân. Đặc biệt, tăng cường hơn nữa vai trò của Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thiết chế trung tâm trong hoạt động bảo vệ *Hiến pháp*. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, cần nghiên cứu giao cho một cơ quan chuyên trách thuộc Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện việc giám sát đối với các văn bản luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, chính quyền địa phương ban hành. Cơ quan này có trách nhiệm trình kết quả giám sát để Quốc hội xem xét, quyết định.

Thứ ba, mở rộng thẩm quyền của Chủ tịch nước trong kiểm soát việc thực hiện quyền lập pháp của Quốc hội; đồng thời, tăng cường quyền hạn của Chủ tịch nước với tư cách là Nguyên thủ quốc gia như Chủ tịch nước có quyền phủ quyết luật của Quốc hội. Đây là quy định đã từng có ở *Hiến pháp* năm 1946.

Thứ tư, nghiên cứu xây dựng cơ chế để Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp phải có quyền kiểm soát đối với Quốc hội. Theo đó, Chính phủ phải có quyền “bảo lưu ý kiến hay rút các dự án luật” khi Chính phủ có những căn cứ hợp lý, khoa học.

Thứ năm, nghiên cứu, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực từ Tòa án đối với hoạt động thực hiện quyền lập pháp đối với Quốc hội. Chẳng hạn, thành lập Hội đồng bảo hiến hoặc Tòa án *Hiến pháp* để có quyền xét xử, ban hành phán quyết về hành vi vi hiến của Quốc hội.

5. Kết luận

Kiểm soát quyền lực nhà nước là một vấn đề quan trọng và phức tạp. Kiểm soát quyền lực nhà nước, vừa để phòng, chống sự lạm dụng quyền lực nhà nước, vừa phải bảo đảm được tính năng động, mềm dẻo cần phải có để tiến hành các công việc của Nhà nước. Do vậy, vấn đề cơ bản của kiểm soát quyền lực

nhà nước là làm cho bộ máy nhà nước vừa có khả năng kiểm soát được xã hội, lại vừa không kém phần quan trọng là buộc Nhà nước phải tự kiểm soát được chính mình. Trên cơ sở *Hiến pháp*, cần ban hành các đạo luật để xây dựng các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước một cách phù hợp. Đó là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được cấu thành bởi các chủ thể kiểm soát ở bên ngoài bộ máy nhà nước (như các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng và trực tiếp công dân) và cơ chế do các chủ thể ở bên trong bộ máy nhà nước tiến hành kiểm soát. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát tuân thủ *Hiến pháp* một cách độc lập do luật định □

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Hồng Anh (2019). *Nguyên tắc kiểm soát việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 16 (392), 8/2019.
2. Trần Ngọc Đường (2019). *Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát giữa cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp qua các bản Hiến pháp Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11 (387), 6/2019.
3. Phan Thanh Hà (2023). *Kiểm soát quyền lực nhà nước của Quốc hội trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Tạp chí khoa học kiểm sát, số 10/2023.
4. *Hiến pháp* năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.
5. Hoàng Minh Hội (2021). *Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 08 (432), 4/2021.
6. *Kiểm soát quyền lực để bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân*. <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 12/5/2024.
7. *Hiến pháp năm 2013 với vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước*. <https://tapchitoaan.vn>, truy cập ngày 10/5/2024.
8. *Tăng cường cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. <https://thanhtvietnam.vn>, truy cập ngày 15/5/2024.